

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 76/2023/HNGĐ- ST

Ngày: 09 -5-2023

V/v Ly hôn và nuôi con chung

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT- TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Liên và ông Hồ Xuân Giao.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1000/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn và nuôi con chung; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20/4/2023 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Lê Thanh N, sinh năm 1999; Địa chỉ: Thôn M, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. ( Có đơn xin xét xử vắng mặt)

**Bị đơn:** Anh Trần Quang V, sinh năm 1991; Địa chỉ: Đường L, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thanh N trình bày:***

Chị Lê Thanh N và anh Trần Quang V tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND phường E, thành phố B vào ngày 09/10/2018, sau khi chung sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh V không lo làm ăn, không quan tâm, sống thiếu trách nhiệm với vợ, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nên chị N và anh V đã sống ly thân từ tháng 8/2022 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng khắc phục mâu thuẫn nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh V.

Về con chung: Chị N và anh V có 01 con chung là cháu Trần Lê Anh V1, sinh ngày 02/5/2019 hiện nay con chung đang do anh V trực tiếp nuôi dưỡng, nên chị có nguyện vọng giao con chung cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh V vắng mặt không có lý do nên không lấy được lời khai và không tiến hành hòa giải được.*

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:**

- *Về tố tụng:* Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX cũng như nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định tại điều 70, điều 71 BLTTDS, bị đơn không chấp hành theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung:* Đề nghị căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

*Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thanh N.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Thanh N được ly hôn ông Trần Quang V.

- *Về nuôi con chung:* Giao con chung là cháu Trần Lê Anh V1, sinh ngày 02/5/2019 cho ông Trần Quang V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, về cấp dưỡng nuôi con chung, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Bà Lê Thanh N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Ông Trần Quang V không phải chịu án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn ông Trần Quang V cư trú tại phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của bà Lê Thanh N xin ly hôn ông Trần Quang V. Hội đồng xét xử xét thấy: bà N và ông V tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND phường E, thành phố B vào ngày 09/10/2018 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của đương sự; Nguyên đơn bà N trình bày trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, ông V không quan tâm, chăm sóc vợ con nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã, mâu thuẫn xảy ra đã lâu nhưng vẫn không khắc phục được, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2022 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn nên bà N có nguyện vọng xin được ly hôn với ông Trần Quang V, quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông V đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa tham gia tố tụng nên không lấy được lời khai của ông V.

Kết quả xác minh tại địa phương xác định: Quá trình vợ chồng bà N, ông V sinh sống tại phường E, thành phố B có xảy ra mâu thuẫn hay không thì chính quyền địa phương không nắm rõ, chỉ biết bà N và ông V đã sống ly thân từ giữa năm 2022 cho đến nay.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà N, ông V đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn ông Trần Quang V của bà Lê Thanh N là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Bà N và ông V có 01 con chung là: Trần Lê Anh V1, sinh ngày 02/5/2019. Từ khi bà N và ông V sống ly thân, ông V đưa cháu V1 về nhà nội ở phường E sinh sống và nuôi dưỡng cháu ăn học đảm bảo còn bản thân bà N chưa cho công việc ổn định, điều kiện để lo cho cháu V1 sinh hoạt học tập không tốt bằng ông V nên tiếp tục để cháu V1 cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, về cấp dưỡng nuôi con chung bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp cần chấp nhận.

Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là tự nguyện và phù hợp cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn ông Trần Quang V không phải chịu tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1]- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2]**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thanh N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thanh N được ly hôn ông Trần Quang V.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Lê Anh V1, sinh ngày 02/5/2019 cho ông Trần Quang V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Bà Lê Thanh N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lê Thanh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Lê Thanh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thanh N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn khấu trừ vào số tiền 300.000đ ( Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/ 0022594 ngày 10/11/2022 Tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột. Ông Trần Quang V không phải chịu án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- UBND p. E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Minh Nguyệt**